

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 5 – 2024
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thành.

Ông Ngô Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên

hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thị N.

Về con chung: Bà và ông H có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều N, sinh năm 2003; Nguyễn Thuý Q, sinh năm 2005 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 11/02/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Tường Vy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Kiều N và Nguyễn Thuý Q đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Bà N có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Khóm Đ, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh C vào ngày 30/6/2005, do đó hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp. Bà N trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đã được gia đình hai bên hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả. Ông H đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà N yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông H là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà N và ông H vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn cương quyết xin ly hôn với ông H. Xét thấy, hôn nhân của bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều N, sinh năm 2003; Nguyễn Thuý Q, sinh năm 2005 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 11/02/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Tường Vy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H đã được Toà án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà N tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 05/4/2024 thì Nguyễn Tường Vy có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của Nguyễn Tường Vy nên cần giao Nguyễn Tường Vy cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Đối với Nguyễn Kiều N và Nguyễn Thuý Q đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[2.3] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014906 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 11/02/2017 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con

đương sự không yêu cầu xem xét. Đối với Nguyễn Kiều N, sinh năm 2003 và Nguyễn Thuý Q, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà N.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014906 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyên thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung